

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA YERSIN NHA TRANG
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH ĐẠI HỌC/Y KHOA/Y ĐA KHOA
(Kèm theo Bản công bố số /BVĐKY-THTH ngày / /2025 của Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang)

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trần Bảo Anh	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	0003462/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	10	Nội bệnh lý 1 thực hành Nội bệnh lý 2 thực hành Nội bệnh lý 3 thực hành	Bệnh lý hệ tim mạch: 1. Điện tâm đồ ứng dụng trong lâm sàng 2. Tăng huyết áp 3. Điều trị suy tim 4. Hẹp, hở van 2 lá 5. Hẹp, hở van động mạch chủ 6. Tâm phế mạn 7. Con đau thắt ngực 8. Thuốc chống huyết khối sử dụng trong bệnh lý tim mạch Bệnh lý hệ hô hấp: 1. Viêm phế quản cấp, mạn 2. Viêm phổi 3. Hen phế quản 4. Áp xe phổi 5. Ung thư phổi Bệnh lý hệ nội tiết: 1. Bướu cổ đơn thuần 2. Basedow 3. Đái tháo đường Bệnh lý hệ tiêu hóa 1. Loét dạ dày - tá tràng 2. Xơ gan 3. Viêm gan mạn 4. Xuất huyết tiêu hóa trên 5. Táo bón 6. Hội chứng ruột kích thích Bệnh lý hệ tiết niệu: 1. Viêm cầu thận mạn 2. Hội chứng thận hư thứ phát 3. Viêm đài bể thận cấp, mạn 4. Viêm bàng quang, niệu đạo 5. Suy thận mạn Bệnh lý hệ huyết học: 1. Chẩn đoán và điều trị thiếu máu 2. Leucemie cấp 3. Leucemie kinh 4. Xuất huyết giảm tiểu cầu không rõ nguyên nhân 5. An toàn truyền máu Bệnh lý hệ cơ xương khớp: 1. Gút 2.Thoái hóa khớp 3.Viêm khớp dạng thấp Bệnh lý cấp cứu: - Cấp cứu ngừng hô hấp tuần hoàn -Sốc -Ngộ độc cấp: Nguyên tắc xử trí và xử trí ngộ độc một số	Nội tổng hợp HSTC-CD	85
2	Nguyễn Thị Tâm	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	007818/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	3				
3	Đinh Xuân Ninh	Bác sĩ CKI YHGD	CKI YHGD	0004412/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	7				
4	Nguyễn Văn Hậu	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	5168/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	7				
5	Lê Thị Xuân Nhân	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	6913/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	5				
6	Nguyễn Thị Thu Hiền	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	6786/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	5				

7	Nguyễn Phước Lộc	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	4123/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	8		chất -Điện giật, ngạt nước, rắn độc cắn -Phù phổi cấp -Nhồi máu cơ tim cấp -Rối loạn nhịp tim -Suy hô hấp cấp -Ho ra máu Bệnh lý tổng hợp: - Chẩn đoán và điều trị hôn mê - Chẩn đoán và điều trị đau ngực - Chẩn đoán và điều trị đau lưng - Rối loạn nước và điện giải -Chẩn đoán và điều trị bệnh ở người cao tuổi		
8	Nguyễn Quang Minh	BS CKI Nhi	Nhi	000155/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp.	11				
9	Huỳnh Cẩm Thạch	Bác sĩ CKII Ngoại khoa	CKII Ngoại khoa	306/KH-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp. (Bổ sung khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại theo QĐ 1253/QĐ-SYT ngày 31/12/2015)	11	Ngoại bệnh lý 1 thực hành	Hệ tiêu hóa: Trĩ nội, trĩ ngoại Viêm ruột thừa Thủng dạ dày Hẹp môn vị Sỏi mật Tắc ruột Viêm tụy cấp Chảy máu đường tiêu hóa Hệ tiết niệu: U xơ tiền liệt tuyến Sỏi tiết niệu Chấn thương và vết thương thận Dập, vỡ niệu đạo Cơ quan vận động: Gãy đầu dưới hai xương cẳng tay Gãy xương bàn tay Viêm xương Gãy hai mắt cá Gãy cổ xương đùi Gãy thân xương đùi Vỡ mâm chày Gãy xương cẳng chân Cắt cụt chi Gãy thân xương cánh tay Gãy trên lồi cầu xương cánh tay Gãy mỏm khuỷu Hệ tiêu hóa: 1. Rò hậu môn 2. Tắc ruột sơ sinh 3. Hẹp môn vị 4. Sỏi mật chủ và các biến chứng cấp 5.Vết thương thấu bụng 6.Tăng áp lực tĩnh mạch cửa 7.Chảy máu đường tiêu hóa 8.Lồng ruột cấp ở trẻ bú mẹ và trẻ em	Ngoại tổng hợp	15
10	Lê Trần Mai Phương	Bác sĩ CKII Sản phụ khoa	CKII Sản phụ khoa	0002935/KH-CCHN	Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa.	9		Sân khoa: 1. Sản khó -Thăm khám các trường hợp thai nghén có nguy cơ cao -Thăm khám và theo dõi các trường hợp chuyển dạ đẻ khó 2. Sản bệnh - Thăm khám và chẩn đoán thai giả tháng -Thăm khám và chẩn đoán thai non tháng, dọa sinh non -Thăm khám và chẩn đoán bệnh tim và thai nghén -Thăm khám và chẩn đoán bệnh tiền sản giật - sản giật -Thăm khám và chẩn đoán trường hợp đa ối - thiếu ối 3.Phụ khoa:		
11	Trang Hiếu Tâm	Bác sĩ CKI Sản phụ khoa	BS CKI Sản phụ khoa	005938/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản phụ khoa.	6				

12	Lê Nguyễn Đông Thức	Bác sĩ đa khoa	Y đa khoa/Y	008097/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản phụ khoa.	3	Phụ sản 2 thực hành	3.1 phụ khoa. -Thăm khám và chẩn đoán chửa ngoài tử cung -Thăm khám và chẩn đoán thai chết lưu trong tử cung -Thăm khám và chẩn đoán thai trứng và theo dõi sau nạo thai trứng 4.Thăm khám và chẩn đoán u xơ tử cung 5. Thăm khám và chẩn đoán u nang buồng trứng 6. Thăm khám và chẩn đoán các trường hợp viêm sinh dục 7. Thăm khám và chẩn đoán ung thư cổ tử cung 8. Thăm khám và chẩn đoán vô sinh 9. Thăm khám và chẩn đoán các bệnh lành tính tuyến vú 10. Thăm khám và chẩn đoán K thân tử cung Thăm khám và chẩn đoán các tổn thương lành tính CTC, AĐ, AH 11. Thăm khám và chẩn đoán sa sinh dục 12. Thăm khám và chẩn đoán các trường hợp rối loạn kinh nguyệt 13. Thăm khám và chẩn đoán các dọa sảy thai –sảy thai	Phụ sản	30
13	Phạm Văn Dũng	Bác sĩ CKI Sản phụ khoa	BS CKI Sản phụ khoa	007023/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa.	5				
14	Trần Lan Anh	Thạc sĩ bác sĩ	Nhi khoa	001126/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	10	Nhi 2 thực hành	Bệnh học: 1. Chẩn đoán và Xử trí Suy HHCT 2. Chẩn đoán và Xử trí hôn mê 3. Chẩn đoán và Xử trí vàng da 4. Chẩn đoán và Xử trí co giật 5. Chẩn đoán và Xử trí Thiếu máu 6. Chẩn đoán và Xử trí Xuất huyết 7. Chẩn đoán và Xử trí RL kiểm - toan 8. Chẩn đoán và Xử trí Ngộ độc cấp 9. Chẩn đoán và điều trị Suy tim 10. Chẩn đoán và Điều trị HCTH Chẩn đoán và điều trị Hen PQ: 12. Chẩn đoán và điều trị N khuẩn Sơ sinh 13. Chẩn đoán và điều trị N khuẩn TN 14. Chẩn đoán sơ sinh non yếu 15. Chẩn đoán Tim bẩm sinh 16. Chẩn đoán BC cấp Chăm sóc sức khỏe ban đầu: 1. Thực hành IMCI 2. Sử dụng thuốc cho trẻ Tư vấn CSSKBĐ	Nhi	60
15	Phạm Thị Thu Thúy	Thạc sĩ bác sĩ	Nhi khoa	006185/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	6				
Tổng cộng: 15 người										

Phụ lục 2 – Bảng 2 DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RẰNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH ĐẠI HỌC –CAO ĐẲNG /Y KHOA/ĐIỀU DƯỠNG										
STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trần Bảo Anh	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	0003462/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	10				
2	Nguyễn Thị Tâm	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	007818/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	3				
3	Đinh Xuân Ninh	Bác sĩ CKI YHGD	CKI YHGD	0004412/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	7				

4	Nguyễn Văn Hậu	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	5168/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	7	Điều dưỡng cơ sở 1 Điều dưỡng cơ sở 2 Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa. Quản lý điều dưỡng Thực tế tốt nghiệp	Nhu cầu cơ bản của con người Các kỹ năng chăm sóc điều dưỡng Chăm sóc vết thương an toàn cho người bệnh Phát triển thực hành điều dưỡng Hỗ trợ hô hấp cho người bệnh Chăm sóc tiêu hóa – bài tiết cho người bệnh Năng lực cấp cứu của người điều dưỡng Đại cương chăm sóc nội khoa; Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực nội khoa; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực nội khoa; Lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh nội khoa Vận dụng kiến thức quản lý y tế vào hoạt động quản lý điều dưỡng, thực hiện chức năng nhiệm vụ của người điều dưỡng trong hệ thống quản lý điều dưỡng; phát triển kỹ năng duy trì các mối quan hệ hợp tác nhằm xây dựng nhóm chăm sóc sức khỏe hiệu quả. Phát triển kỹ năng thiết lập môi trường làm việc an toàn - Hoàn thiện các kỹ năng đánh giá, kiến thức cơ bản như đánh giá được mô hình tổ chức, công tác quản lý các khoa phòng bệnh viện - Phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của điều dưỡng viên, ĐDT khoa, ĐDT bệnh viện, Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc BN cho từng loại bệnh	Nội tổng hợp HSTC-CDD	85
5	Lê Xuân Nhân	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	6913/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	5				
6	Nguyễn Thị Thu Hiền	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	6786/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	5				
7	Nguyễn Phước Lộc	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	4123/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	8				
8	Nguyễn Quang Minh	BS CKI Nhi	Nhi	000155/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp.	11				
9	Phạm Ngọc Khánh My	CNDD	CNDD	0001718/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	10				
10	Phan Thị Hương	CNDD	CNDD	0002680/KH-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.	9				
11	Nguyễn Thị Mơ	CNDD	CNDD	007475/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	3				
12	Đồng Bảo Minh	CNDD	CNDD	008502/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	3				
13	Huỳnh Cẩm Thạch	Bác sĩ CKII Ngoại khoa	CKII Ngoại khoa	306/KH-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp. (Bổ sung khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại theo QĐ 1253/QĐ-SYT ngày 31/12/2015)	11	Điều dưỡng cơ sở 1 Điều dưỡng cơ sở 2 Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa. Quản lý điều dưỡng Thực tế tốt nghiệp	Nhu cầu cơ bản của con người Các kỹ năng chăm sóc điều dưỡng Chăm sóc vết thương an toàn cho người bệnh Phát triển thực hành điều dưỡng Hỗ trợ hô hấp cho người bệnh Chăm sóc tiêu hóa – bài tiết cho người bệnh Năng lực cấp cứu của người điều dưỡng -Lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh có vấn đề ngoại khoa. - Thực hành kiến thức và kỹ năng đánh giá cũng như giải quyết vấn đề tại các cơ sở y tế để chăm sóc sức khỏe cho người bệnh ngoại khoa. Vận dụng kiến thức quản lý y tế vào hoạt động quản lý điều dưỡng, thực hiện chức năng nhiệm vụ của người điều dưỡng trong hệ thống quản lý điều dưỡng; phát triển kỹ năng duy trì các mối quan hệ hợp tác nhằm xây dựng nhóm chăm sóc sức khỏe hiệu quả. Phát triển kỹ năng thiết lập môi trường làm việc an toàn - Hoàn thiện các kỹ năng đánh giá, kiến thức cơ bản như	Ngoại tổng hợp	15
14	Nguyễn Thị Bạch Xuyên	CNDD	CNDD	0002962/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	10				
15	Nguyễn Thị Minh Lựu	CNDD	CNDD	0003551/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo qui định tại quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng bộ nội vụ về việc ban hành nghiệp vụ cấp ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	9				
16	Lê Trần Mai Phương	Bác sĩ CKII Phụ Sản	CKII Sản phụ khoa	0002935/KH-CCHN	Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa.	9				

17	Trang Hiếu Tâm	Bác sĩ CKI Sản phụ khoa	BS CKI Sản phụ khoa	005938/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản phụ khoa.	6	TH chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và chăm sóc điều dưỡng	Thực hành kỹ năng chăm sóc phụ nữ trong thời kỳ thai nghén và trẻ sơ sinh tại bệnh viện và tại cộng đồng.	Phụ Sản	30
18	Lê Nguyễn Đông Thức	Bác sĩ đa khoa	Y đa khoa/Y	008097/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản phụ khoa.	3				
19	Phạm Văn Dũng	Bác sĩ CKI Sản phụ khoa	BS CKI Sản phụ khoa	007023/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa.	5				
20	Phạm Thị Thanh Tú	Cử nhân Điều dưỡng phụ sản	Cử nhân Điều dưỡng phụ sản	000918/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.	3				
21	Nguyễn Thị Thu Thủy	Cử nhân Điều dưỡng phụ sản	Cử nhân Điều dưỡng phụ sản	0003796/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT/BYT ngày 15/03/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	8				
22	Nguyễn Thị Biên Thùy	Cử nhân Điều dưỡng phụ sản	Cử nhân Điều dưỡng phụ sản	003748/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.	3	TH chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và chăm sóc điều dưỡng	Thực hành kỹ năng chăm sóc phụ nữ trong thời kỳ thai nghén và trẻ sơ sinh tại bệnh viện và tại cộng đồng.	Khoa Nhi	60
23	Trần Lan Anh	Thạc sĩ bác sĩ	Nhi khoa	001126/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	10				
24	Phạm Thị Thu Thủy	Thạc sĩ bác sĩ	Nhi khoa	006185/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	6				
25	Nguyễn Thị Bích Phương	CNDD	CNDD	0003888/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	3	TH chăm sóc người bệnh cần PHCN- YHCT	-Thực hành một số phương pháp VLTL- PHCN - Ứng dụng một số phương pháp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe bằng YHCT	YHCT-VLTL- PHCN	5
26	Từ Đức Minh	BS.CKI	BS.CKI	000665/KH-CCHN	Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	10				
27	Trần Thị Cẩm Tú	CN VLTL	CN VLTL	008663/KH-CCHN	Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng	3	TH Chăm sóc sức khỏe chuyên khoa Mắt, TMH, RHM	Thực hành các kỹ năng chăm sóc người bệnh chuyên khoa Mắt, TMH, RHM	Liên chuyên khoa	5
28	Phan Thị Tâm	BS.CKI	BS.CKI	0003231/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt.	10				
29	Võ Thị Kim Thương	BS.CKI		000453/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	10				
30	Nguyễn Thị Kim Thiện	Bác sĩ Y khoa		007267/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	4				
31	Trần Tấn Thuận	BSĐK	BSĐK	008040/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt.	3				
32	Phan Thị Thùy Trang	CNDD	CNDD	000641/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	10	Tổng cộng: 32 người			

Phụ lục 2 – Bảng 3
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH ĐẠI HỌC - CAO ĐẲNG /Y KHOA/HỘ SINH

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trần Bảo Anh	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	0003462/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	10	Điều dưỡng cơ sở 1 Điều dưỡng cơ sở 2	Nhu cầu cơ bản của con người Các kỹ năng chăm sóc điều dưỡng Chăm sóc vết thương an toàn cho người bệnh Phát triển thực hành điều dưỡng Hỗ trợ hô hấp cho người bệnh Chăm sóc tiêu hóa – bài tiết cho người bệnh Năng lực cấp cứu của người điều dưỡng	Nội tổng hợp HSTC -CD Ngoại tổng hợp	77 8 15
2	Nguyễn Thị Tâm	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	007818/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	3				
3	Đinh Xuân Ninh	Bác sĩ CKI YHGD	CKI YHGD	0004412/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	7				
4	Nguyễn Văn Hậu	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	5168/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	7				
5	Lê Xuân Nhân	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	6913/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	5				
6	Nguyễn Thị Thu Hiền	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	6786/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	5				
7	Nguyễn Phước Lộc	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	4123/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	8				
8	Phạm Ngọc Khánh My	CNDD	CNDD	0001718/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	10				
9	Phan Thị Hương	CNDD	CNDD	0002680/KH-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.	9				
10	Nguyễn Thị Mơ	CNDD	CNDD	007475/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số,tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng,hộ sinh,kỹ thuật y	3				
11	Đồng Bảo Minh	CNDD	CNDD	008502/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số,tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng,hộ sinh,kỹ thuật y	3				
12	Nguyễn Quang Minh	BS CKI Nhi	Nhi	000155/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp.	10				
13	Huỳnh Cẩm Thạch	Bác sĩ CKII Ngoại khoa	CKII Ngoại khoa	306/KH-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp. (Bổ sung khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại theo QĐ 1253/QĐ-SYT ngày 31/12/2015)	11				
14	Nguyễn Thị Bạch Xuyến	CNDD	CNDD	0002962/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số,tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng,hộ sinh,kỹ thuật y	10				
15	Nguyễn Thị Minh Lựu	CNDD	CNDD	0003551/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo qui định tại quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng bộ nội vụ về việc ban hành nghiệp vụ cấp ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	9				

16	Lê Trần Mai Phương	Bác sĩ CKII Sản phụ khoa	CKII Sản phụ khoa	0002935/KH-CCHN	Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa.	9	TH chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và chăm sóc điều dưỡng	-Xuất huyết sản khoa 3 tháng đầu -Các bệnh gặp thường gặp ở 3 tháng giữa thời kỳ thai nghén -Các bệnh gặp thường gặp ở 3 tháng cuối thời kỳ thai nghén -Dọa đẻ non và đẻ non -Khối u sinh dục với thai nghén -Chăm sóc người bệnh dò bằng quang-âm đạo -Chăm sóc người bệnh sa sinh dục -Bệnh tim mạch và thai nghén -Nhiễm trùng đường tiết niệu và thai nghén -Thiếu máu và thai nghén -Thiếu iod và thai nghén -Bệnh lao và thai nghén -Viêm ruột thừa với thai nghén -Các hiện tượng lâm sàng của thời kỳ sau đẻ -Chăm sóc bà mẹ sau đẻ -Các bệnh lý về vú của bà mẹ sau đẻ -Nhiễm khuẩn sau đẻ -Rối loạn tâm thần sau đẻ -Tư vấn cho bà mẹ sau đẻ -Kế hoạch hóa gia đình sau đẻ -Thống kê trong chăm sóc bà mẹ sau đẻ -Các thời kỳ phát triển của trẻ em dưới 5 tuổi -Sự phát triển thể chất của trẻ dưới 5 tuổi -Sự phát triển tinh thần, vận động của trẻ dưới 5 tuổi -Đặc điểm giải phẫu, sinh lý của trẻ dưới 5 tuổi -Chế độ dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi -Theo dõi biểu đồ tăng trưởng -Tiêm chủng mở rộng cho trẻ em -Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ	Phụ Sản	30
17	Trang Hiếu Tâm	Bác sĩ CKI Sản phụ khoa	BS CKI Sản phụ khoa	005938/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản phụ khoa.	6				
18	Lê Nguyễn Đông Thức	Bác sĩ đa khoa	Y đa khoa/Y	008097/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản phụ khoa.	3				
19	Phạm Văn Dũng	Bác sĩ CKI Sản phụ khoa	BS CKI Sản phụ khoa	007023/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa.	5				
20	Phạm Thị Thanh Tú	CNHS	CNHS	000918/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.	3				
21	Nguyễn Thị Thu Thủy	CNHS	CNHS	0003796/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/03/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	8				
22	Nguyễn Thị Biên Thủy	Cử nhân Điều dưỡng phụ sản	Cử nhân Điều dưỡng phụ sản	003748/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.	3				

23	Trần Lan Anh	Thạc sĩ bác sĩ	Nhi khoa	001126/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	10	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	- Chăm sóc trẻ viêm đường hô hấp cấp - Chăm sóc trẻ tiêu chảy cấp - Chăm sóc trẻ sốt cao co giật - Chăm sóc trẻ hen phế quản - Chăm sóc trẻ hội chứng thận hư - Chăm sóc trẻ viêm cầu thận cấp	Nhi khoa	60
24	Phạm Thị Thu Thủy	Thạc sĩ bác sĩ	Nhi khoa	006185/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	6				
25	Nguyễn Thị Bích Phượng	CNDD	CNDD	0003888/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	3				
Tổng cộng: 25 người										

Phụ lục 2 – Bảng 4
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
ĐẠI HỌC - CAO ĐẲNG/ Y KHOA/KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Thị Bích Cẩm	Cử nhân xét nghiệm	Cử nhân xét nghiệm	006848/KH-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	7		Huyết học: - Quy trình đón tiếp và giao tiếp với bệnh nhân, trả kết quả xét nghiệm. - Pha một số hóa chất xét nghiệm huyết học, nhận biết các hoá chất được sử dụng trong các xét nghiệm huyết học. - Kỹ thuật lấy máu mao mạch - Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch - Lâm công thức máu - Lâm tiêu bản máu ngoại vi - Lập công thức bạch cầu trên lam - Đo tốc độ máu lắng - Đếm số lượng hồng cầu lưới - Huyết đồ - Tuỷ đồ - Kỹ thuật tìm tế bào Hargraves - Thời gian máu chảy, máu đông - Thời gian Prothrombin, APTT, Howell - Định lượng fibrinogen - Kỹ thuật định nhóm máu hệ ABO, Rh Xét nghiệm chứng nghiệm phù hợp - Nghiệm pháp Coombs - Điện di huyết sắc tố - Xét nghiệm tế bào và tinh thể trong nước tiểu. - Định tính/định lượng HBsAg, anti-HBs, HBeAg, anti HCV bằng kỹ thuật FT ISA		
2	Nguyễn Khánh Trang	Cử nhân xét nghiệm	Cử nhân xét nghiệm	004521/KH-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	3				

3	Nguyễn Thị Thu Hiền	Cử nhân xét nghiệm	Cử nhân xét nghiệm	003723/KH-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	4	Xét nghiệm	Xét nghiệm	Tham gia buổi thu gom máu Xét nghiệm máu chẩn đoán KST sốt rét (lấy mẫu máu, làm tiêu bản giọt đặc, giọt dãn nhuộm Giemsa tìm KSTSR) Xét nghiệm máu tìm ấu trùng giun chỉ bạch huyết (lấy mẫu máu, làm tiêu bản giọt máu đặc, máu dãn nhuộm Giemsa tìm KST) Các máy đếm tế bào tự động, máy đông máu. Định lượng cholesterol trong máu Định lượng triglycerid trong máu Định lượng HDL-C trong máu Định lượng LDL-C trong máu Định lượng protein trong máu và nước tiểu Định lượng Fibrinogen trong máu
4	Tăng Hoài Vinh	Cử nhân xét nghiệm	Cử nhân xét nghiệm	005170/KH-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	8			Hóa sinh: - Định lượng bilirubin (toàn phần, trực tiếp, gián tiếp) trong máu - Đo hoạt độ GOT, GPT, GGT trong máu - Định lượng creatinin trong máu và nước tiểu - Định lượng ure trong máu và nước tiểu - Định lượng acid uric trong máu và nước tiểu - Xét nghiệm 10 thông số nước tiểu - Định lượng glucose trong máu và nước tiểu - Định lượng HbA1C - Nghiệm pháp tăng đường máu - Xét nghiệm cetonic trong nước tiểu - Điện giải đồ - Khí máu - Xét nghiệm tuyến giáp - Phản ứng Pandy, phản ứng Rivalta (nếu có)
5	Đặng Ngọc Đào	Cử nhân xét nghiệm	Cử nhân xét nghiệm	0003726/KH-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	5			Vi sinh: - Làm các phản ứng ASLO, Widal, RF. - Xác định bệnh giang mai: Phản ứng RPR, VDRL và TPHA (nếu có) - Nhuộm Ziehl Neelsen và đọc tiêu bản lao - Nhuộm Gram - Nuôi cấy các loại bệnh phẩm
6	Nguyễn Hoàng Quỳnh Hương	Cử nhân xét nghiệm	Cử nhân xét nghiệm	005833/KH-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	7			Ký sinh trùng: - Trứng giun sán, đơn bào phương pháp xét nghiệm trực tiếp - Trứng giun sán, đơn bào phương pháp xét nghiệm tập trung (Willis, Formon-Ether) - Ký sinh trùng (Trichomonas, Demodex, Rận bẹn Phthirus pubis, Ghê Sarcoptes scabies hominis) / Vi nấm soi tươi (Candida, nấm da Dermatophytes...) - Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi trực tiếp/test nhanh - Plasmodium (ký sinh trùng sốt rét) trong máu nhuộm soi - Plasmodium (ký sinh trùng sốt rét) trong máu test nhanh - Giun chỉ ấu trùng trong máu nhuộm soi - Toxoplasma IgG/IgM miễn dịch Vi nấm/ ký sinh trùng (IgG, IgM) miễn dịch Vi nấm nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường
Tổng cộng: 6 người									

Phụ lục 2 – Bảng 5
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
ĐẠI HỌC-CAO ĐẲNG -TRUNG CẤP /Y KHOA/ĐƯỢC

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Trần Tú Vy	CKI Dược	CKI Dược	330/KH-CCHND	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Đại lý Thuốc; Tủ thuốc của Trạm y tế.	10	Quản lý tồn trữ thuốc Được lâm sàng Thực tập tốt nghiệp	- Ghi chép thông tin bệnh án theo mẫu S.O.A.P - Phân tích được ca lâm sàng theo mẫu S.O.A.P - Chức năng nhiệm vụ của khoa được bệnh viện, vẽ được sơ đồ tổ chức khoa được và mối quan hệ chuyên môn giữa khoa được đối với các khoa, phòng điều trị khác. - Nhiệm vụ của Hội đồng thuốc và điều trị của bệnh viện: Quy chế hoạt động; Xây dựng danh mục thuốc; Một số phát đồ điều trị được Hội đồng thông qua; Công tác quản lý, sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và có hiệu quả. - Công tác thống kê ở khoa được: Phần mềm sử dụng, các biểu mẫu thống kê, biểu mẫu báo cáo thường qui. - Công tác lập kế hoạch và đấu thầu cung ứng thuốc, thuốc BHYT của khoa được - Công tác lập kế hoạch và cấp phát thuốc của khoa được cho các khoa, phòng điều trị. - Các văn bản pháp qui, qui chế liên quan đến lĩnh vực được của Nhà nước hiện đang được sử dụng - Hướng dẫn dùng thuốc cho từng bệnh nhân theo chỉ định của Bác sĩ điều trị. - Thực hiện công tác “Sử dụng thuốc an toàn và hợp lý” tại các khoa phòng điều trị. - Công tác phát hiện, theo dõi và báo cáo các phản ứng có hại của thuốc. - Công tác xuất nhập, quản lý tồn trữ thuốc tại kho được, quản lý thuốc gây nghiện, hướng thần, định kỳ kiểm tra	Được	
2	Trần Mỹ Kim Chi	DS	DS	367/KH-CCHND	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Đại lý Thuốc; Tủ thuốc của Trạm y tế.	10				
3	Huỳnh Nguyễn Ngọc Loan	DS	DS	353/KH-CCHND	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Đại lý Thuốc; Tủ thuốc của Trạm y tế.	7				
4	Đồng Thị Bảo Trinh	CKI Dược	CKI Dược	53/CCHN-D-SYT-KH	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Đại lý Thuốc; Tủ thuốc của Trạm y tế.	10				
Tổng cộng: 04 người										

Phụ lục 2 – Bảng 6
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
ĐẠI HỌC-CAO ĐẲNG -TRUNG CẤP /Y KHOA/KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG –
TRUNG CẤP /Y KHOA/Y SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Từ Đức Minh	BS.CKI	BS.CKI	000665/KH-CCHN	Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	11				

2	Mẫu Thị Tuyết Trinh	BS YHCT	BS YHCT	007995/KH-CCHN	Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền (Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn Chuyên khoa Phục hồi chức năng theo QĐ 386/QĐ-SYT ngày 15/4/2022)	6	- Các kỹ thuật cơ bản trong lượng giá và điều trị VLTL -Thực tập VLTL/ PHCN Nội khoa -Thực tập VLTL/ PHCN Ngoại khoa -Thực tập VLTL/ PHCN nhi khoa -Thao tác đúng và an toàn các phương thức điều trị vật lý trị liệu cho các trường hợp bệnh cụ thể. - Thực tập châm cứu - TT Xoa bóp- Ấn huyết- dưỡng sinh - TTLS Y học cổ truyền 1 - TTLS Y học cổ truyền 2 - TTLS Y học cổ truyền 3	- Đo tâm vận động chi trên - Đo tâm vận động chi dưới - Thử cơ chi trên - Thử cơ chi dưới - Đo chiều dài và chu vi chi - Đo chiều dài nặng - Vận động trị liệu - Xoa bóp trị liệu	YHCT-VLTL- PHCN	
3	Trần Thị Cẩm Tú	CN VLTL	CN VLTL	008663/KH-CCHN	Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng	4	- VLTL/PHCN cho người bệnh tổn thương tủy sống - VLTL/PHCN cho người bệnh tai biến mạch máu não - VLTL/PHCN cho người bệnh viêm quanh khớp vai - VLTL/PHCN cho người bệnh gãy xương chi trên - VLTL/PHCN cho người bệnh gãy xương chi dưới - VLTL/PHCN cho người bệnh tổn thương phần mềm - VLTL/PHCN cho người bệnh chấn thương cột sống VLTL/PHCN cho trẻ bại não - Điện trị liệu - Thủy, nhiệt trị liệu - Quang trị liệu			
Tổng cộng: 03 người										

Phụ lục 2 – Bảng 7
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
ĐẠI HỌC-CAO ĐẲNG /Y KHOA/KỸ THUẬT PHỤC HÌNH RĂNG

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trần Bảo Anh	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	0003462/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	10				
2	Nguyễn Thị Tâm	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	007818/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	4				
3	Đinh Xuân Ninh	Bác sĩ CKI YHGD	CKI YHGD	0004412/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	7				
4	Nguyễn Văn Hậu	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	5168/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	7				
5	Lê Xuân Nhân	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	6913/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	5				
6	Nguyễn Thị Thu Hiền	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	6786/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	5				
7	Nguyễn Phước Lộc	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	4123/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	8				
8	Nguyễn Quang Minh	BS CKI Nhi	Nhi	000155/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp.	11				
9	Phạm Ngọc Khánh My	CNĐĐ	CNĐĐ	0001718/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	10				
10	Phan Thị Hương	CNĐĐ	CNĐĐ	0002680/KH-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.	9				
								- Rửa tay thường quy - Mang găng vô khuẩn - Đo dấu sinh tồn - Cho người bệnh uống thuốc các loại - Tiêm bắp - Tiêm tĩnh mạch - Tiêm dưới da, trong da - Truyền dung dịch - Lấy máu xét nghiệm - Cho người bệnh thở oxy - Chăm sóc vết mổ, vết loét do tì đè - Tiến nhân người bệnh viên chuyển viên ra viên		

11	Nguyễn Thị Mơ	CNDD	CNDD	007475/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	4	Điều dưỡng cơ bản Điều dưỡng Nội khoa Điều dưỡng Ngoại khoa	- Tiếp nhận người bệnh viện, chuyển viện, ra viện - Vận chuyển người bệnh từ giường qua xe và ngược lại. - Chuẩn bị người bệnh siêu âm - Chuẩn bị NB chụp phim các loại - Chăm sóc người bệnh tăng huyết áp - Chăm sóc người bệnh viêm phổi - Chăm sóc người bệnh viêm phế quản	Nội tổng hợp HSTC-CĐ Ngoại Tổng hợp	100
12	Đồng Bảo Minh	CNDD	CNDD	008502/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	4				
13	Huỳnh Cẩm Thạch	Bá CKII Ngoại khoa	CKII Ngoại khoa	306/KH-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp. (Bổ sung khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại theo QĐ 1253/QĐ-SYT ngày 31/12/2015)	11				
14	Nguyễn Thị Bạch Xuyên	CNDD	CNDD	0002962/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	10				
15	Nguyễn Thị Minh Lựu	CNDD	CNDD	0003551/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo qui định tại quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng bộ nội vụ về việc ban hành nghiệp vụ cấp ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	9				
16	Trần Lan Anh	Thạc sĩ bác sĩ	Thạc sĩ bác sĩ	001126/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	10	Điều dưỡng Nhi khoa	- Chăm sóc trẻ viêm đường hô hấp cấp - Chăm sóc trẻ tiêu chảy cấp - Chăm sóc trẻ sốt cao co giật - Chăm sóc trẻ hen phế quản - Chăm sóc trẻ hội chứng thận hư - Chăm sóc trẻ viêm cầu thận cấp	Khoa Nhi	60
17	Phạm Thị Thu Thủy	Thạc sĩ bác sĩ	Thạc sĩ bác sĩ	006185/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	6				
18	Nguyễn Thị Bích Phượng	CNDD	CNDD	0003888/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	3				
19	Phan Thị Tâm	BS CKI YHGĐ	BS CKI YHGĐ	0003231/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt.	10	Thực tập chuyên ngành I, II, II, IV - Thực tế tốt nghiệp	* Nhận bệnh & sắp xếp hồ sơ dụng cụ: - Tiếp nhận bệnh nhân (trực hành chánh) - Sắp xếp hồ sơ bệnh án và báo cáo về cách - Sắp xếp hồ sơ bệnh án điều trị tại phòng khám/ bệnh viện - Sắp xếp, bảo quản dụng cụ & vệ sinh vô trùng (trực dụng cụ) * Phụ tá: Khám, Chữa, Nhỏ, Tiêm phẫu, Phục hình * Điều dưỡng cơ bản và RHM: - Đo dấu hiệu sinh tồn - Chuẩn bị bệnh nhân trước mổ - Chăm sóc bệnh nhân sau mổ - Thay băng/ rửa vết thương - Cắt chỉ * Tiêm thuốc: Bắp, Tĩnh mạch, Dưới da, Trong da - Chăm sóc, điều trị răng miệng: - Lấy vôi răng-đánh bóng- Giáo dục tại ghế. - Giáo dục tại phòng chờ - Nhỏ răng lung lay	Khoa Liên chuyên khoa	15
20	Võ Thị Kim Thương	BS Răng Hàm Mặt	BS Răng Hàm Mặt	000453/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	9				
21	Nguyễn Thị Kim Thiện	Bác sĩ đa khoa	Y đa khoa/Y	007267/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	4				
22	Trần Tấn Thuận	BSĐK	BSĐK	008040/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt.	3				

23	Phan Thị Thùy Trang	CNDD	CNDD	000641/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	10	- Nhổ răng vĩnh viễn - Trám răng sâu ngà /A.R.T - Chụp phim X – quang răng - Chữa tủy răng - Lập kế hoạch và chăm sóc bệnh nhân điều trị tại khoa Răng hàm mắt (Bệnh nhân chấn		
Tổng cộng: 23 người									

Phụ lục 2 – Bảng 8
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỞ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
ĐẠI HỌC-CAO ĐẲNG /Y KHOA/KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trần Bảo Anh	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	0003462/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	10	Điều dưỡng cơ bản Điều dưỡng Nội khoa Điều dưỡng Ngoại khoa	- Vận chuyển người bệnh (xe ngồi, xe nằm) - Trải giường các loại - Các thể nằm điều trị - Theo dõi dấu sinh tồn - Chườm nóng, chườm lạnh - Lấy máu, phân, nước tiểu xét nghiệm - Vệ sinh cho người bệnh - Đút cho người bệnh ăn, cho ăn qua sonde - Tiêm thuốc, truyền dịch, truyền máu - Thực hiện 5 kỹ thuật cấp cứu - Cho người bệnh thở oxy - Hút đờm dãi - Đặt sonde dạ dày - Phụ bác sĩ chọc dò - Băng bó vết thương - Thay băng vết thương - Thông tiểu - Súc bằng quang, Thụt tháo - Rửa tay nội và ngoại khoa - Đo dấu hiệu sinh tồn, chuẩn bị người bệnh cho bác sĩ khám, chữa bệnh. - Thăm khám các cơ quan tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, liệt nửa người, tiết niệu, da niêm mạc và các tổ chức liên quan. - Khám, phát hiện các triệu chứng trong các bệnh nội khoa hay gặp như: viêm phổi, hen phế quản, COPD, loét dạ dày tá tràng, xơ gan, áp xe gan, ung thư gan, suy tim, tăng huyết áp, tai biến mạch máu não, nhồi máu cơ tim, suy thận, hội chứng thận hư, đái tháo đường, basedow, viêm đa khớp dạng thấp, xuất huyết tiêu hóa... - Khám phát hiện triệu chứng một số bệnh ngoại khoa thường gặp như ruột thừa viêm, vỡ	Nội tổng hợp HSTC-CD Ngoại Tổng hợp	100
2	Nguyễn Thị Tâm	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	007818/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	4				
3	Đinh Xuân Ninh	Bác sĩ CKI YHGD	CKI YHGD	0004412/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	8				
4	Nguyễn Văn Hậu	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	5168/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	8				
5	Lê Xuân Nhân	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	6913/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	6				
6	Nguyễn Thị Thu Hiền	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	6786/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	6				
7	Nguyễn Phước Lộc	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	4123/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	9				
8	Phạm Ngọc Khánh My	CNDD	CNDD	0001718/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	10				
9	Phan Thị Hương	CNDD	CNDD	0002680/KH-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.	9				
10	Nguyễn Thị Mơ	CNDD	CNDD	007475/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	4				
11	Đồng Bảo Minh	CNDD	CNDD	008502/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	4				
12	Huỳnh Cẩm Thạch	Bác sĩ CKII Ngoại khoa	CKII Ngoại khoa	306/KH-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp. (Bổ sung khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại theo QĐ 1253/QĐ-SYT ngày 31/12/2015)	11				

13	Nguyễn Thị Bạch Xuyên	CNĐĐ	CNĐĐ	0002962/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	10		Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V Thực tế tốt nghiệp Thực tập lâm sàng chuyên ngành I, II, III, IV, V
----	-----------------------	------	------	-----------------	--	----	--	--

Phụ lục 2 – Bảng 9
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIỜ/NGHỀ RẰNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TRUNG CẤP/Y KHOA/Y SĨ ĐA KHOA

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trần Bảo Anh	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	0003462/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	9	-LS Điều dưỡng cơ sở -Thực tập lâm sàng ngoại -Thực tập LS Nội khoa	LS Điều dưỡng cơ sở 1/ Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi bệnh nhân chấn thương sọ não. - Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi bệnh nhân chấn thương cột sống. - Lâm bệnh án bệnh nhân chấn thương cột sống và chấn thương sọ não - Thay băng vết thương, vết mổ và cắt chỉ. 2/ Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân chấn thương gãy xương đùi. - Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân chấn thương gãy xương cẳng tay. - Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân chấn thương cẳng chân. - Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân bong. - Phụ và xử trí trường hợp cố định gãy xương bằng bột - Phụ và xử trí vết thương phần mềm - Lâm bệnh án bệnh nhân gãy xương chi trên, chi dưới và bong. - Thay băng vết thương , vết mổ và cắt chỉ. 3/ Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân viêm ruột thừa. - Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân tắc ruột. - Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân thoát vị bẹn. - Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân thủng dạ dày. - Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân sỏi đường tiết niệu. Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân chấn thương ngực. - Lâm bệnh án bệnh nhân bệnh tiêu hóa, chấn thương ngực và sỏi đường tiết niệu. - Thay băng vết thương, vết mổ và cắt chỉ. 4/ Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân ung thư dạ dày. - Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân ung thư đại tràng. - Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân ung thư gan. - Lâm bệnh án bệnh nhân bị bệnh ung thư đường tiêu hóa. - Thay băng vết thương, vết mổ và cắt chỉ. 5/ Cách khám một bệnh nhân cấp cứu u vết thương mạch máu - Cách khám một bệnh nhân cấp cứu chấn thương ngực. - Lâm 1 bệnh án bệnh nhân chấn thương ngực kín hoặc hở - Thay băng vết thương, cắt chỉ	Nội tổng hợp HSTC -CĐ Ngoại tổng hợp	100
2	Nguyễn Thị Tâm	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	007818/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	3				
3	Đinh Xuân Ninh	Bác sĩ CKI YHGD	CKI YHGD	0004412/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	7				
4	Nguyễn Văn Hậu	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	5168/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	7				
5	Lê Xuân Nhân	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	6913/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	5				
6	Nguyễn Thị Thu Hiền	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	6786/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	5				
7	Nguyễn Phước Lộc	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	4123/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	8				
8	Nguyễn Quang Minh	BS CKI Nhi	Nhi	000155/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp.	10				
9	Phạm Ngọc Khánh My	CNĐĐ	CNĐĐ	0001718/KH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	10				
10	Phan Thị Hương	CNĐĐ	CNĐĐ	0002680/KH-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.	9				

21	Phạm Văn Dũng	BS CKI Sản phụ khoa	CKI Sản phụ khoa	007023/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa.	5	- Đặt mo vịt - Tư vấn các biện pháp tránh thai - Bệnh án sản phụ khoa		
Tổng cộng: 21 người									

- 1: Số thứ tự.
- 2: Họ và tên: dựa vào “chương trình thực hành” để xác định họ và tên người giảng dạy thực hành đạt yêu cầu mình chứng cho cột số 8 tại Phụ lục 1.
- 3: Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú: Thông tin về bằng cấp chuyên môn, học hàm, học vị... của người hướng dẫn thực hành: GS, PGS, TS, CKI, CK II, BS Nội trú, Bác sĩ, Dược sĩ, cử nhân điều dưỡng, ...
- 4: Ngành, chuyên ngành người giảng dạy thực hành đã được đào tạo để mình chứng về chuyên môn của người giảng dạy thực hành.
- 5: Chứng chỉ hành nghề: số chứng chỉ hành nghề của người giảng dạy thực hành đã được cấp.
- 6: Phạm vi hành nghề: Phạm vi người giảng dạy thực hành hành nghề được ghi trong chứng chỉ hành nghề.
- 7: Số năm kinh nghiệm khám bệnh chữa bệnh: Số năm người giảng dạy thực hành có kinh nghiệm khám bệnh chữa bệnh ở phạm vi hành nghề đã được cấp CCHN, theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 8 của Nghị định: Đã có đủ thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi có chứng chỉ hành nghề liên tục ở ngành/chuyên ngành giảng dạy thực hành đến thời điểm giảng dạy thực hành ít nhất:
- 36 tháng đối với đào tạo trình độ sau đại học;
 - 24 tháng đối với đào tạo trình độ đại học;
 - 12 tháng đối với trình độ cao đẳng và trung cấp.
- 8: Môn học/học phần/tin chỉ: giống cột 5, ở Phụ lục 1.
- 9: Nội dung môn học: giống cột 6, ở Phụ lục 1.
- 10: Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành: giống cột 7, ở Phụ lục 1.
- 11: Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành: giống cột 10, ở Phụ lục 1.